

Số: 966/BC-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN Năm: 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh University of Banking)

2. Địa chỉ: 36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Email: [dhnhthpcm@hub.edu.vn](mailto:dhnhthpcm@hub.edu.vn)

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Đại học công lập, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

**Sứ mạng:** HUB cung cấp cho xã hội và ngành ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng. HUB kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội và kỹ năng học tập suốt đời; phát triển con người toàn diện, sáng tạo, với tinh thần phụng sự.

**Tầm nhìn:** HUB định hướng trở thành đại học đa ngành và liên ngành nằm trong nhóm các đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á. HUB tiên phong ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên ngành.

**Giá trị cốt lõi:** “Chính trực – Đoàn kết – Tiên phong”

**Triết lý giáo dục:** “Khai phóng – Liên ngành – Trải nghiệm”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (HUB) với tên ban đầu là Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng - Cơ sở II TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1229/NH-TCCB ngày 16/12/1976 của Tổng Giám đốc Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Trung ương). Trải qua nhiều lần đổi tên, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, đến ngày 20/08/2003 trường chính thức mang tên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tách ra độc lập từ Học viện Ngân hàng. Kể từ khi được công nhận là một cơ sở đào tạo trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính ngân hàng chủ yếu cho khu vực phía Nam, tính đến nay, HUB đã trở thành một trong những trường đại học đa ngành hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, kinh doanh và quản lý.

HUB có tổng cộng 3 cơ sở: Trụ sở chính của Trường tại 36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1; Cơ sở 56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức và tại 39 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM với tổng diện tích đất là 110.000 m<sup>2</sup> và diện tích sàn đã xây dựng là 47.950 m<sup>2</sup>. Trong đó, gồm: 31.062 m<sup>2</sup> hội trường, phòng học, phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2.400 m<sup>2</sup> thư viện, trung tâm học liệu; 14.488 m<sup>2</sup> dành cho nghiên cứu, thực hành, thực tập, luyện tập.

Hiện nay, HUB đang đào tạo khoảng 16.000 người học các bậc, hệ đào tạo thuộc 16 ngành đào tạo cử nhân, 6 ngành đào tạo Thạc sĩ, 3 ngành đào tạo Tiến sĩ. HUB cung cấp các khóa bồi dưỡng kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học. Trường đã và đang triển khai các chương trình đào tạo đại học và sau đại học với Đại học Bolton (Anh), Đại học Toulon (Pháp), Đại học Lincoln (New Zealand), Đại Học EM Normandie (Pháp), Đại học Griffith (Úc), Đại học Adelaide (Úc),...

Tính đến 31/12/2024, HUB có tổng cộng 503 cán bộ giảng viên, nhân viên bao gồm: 02 Giáo sư, 35 Phó giáo sư, 152 Tiến sĩ, 236 Thạc sĩ và 78 có trình độ khác.

Trong gần 50 năm phát triển, Trường đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và mở rộng hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp, đối tác quốc tế, từng bước khẳng định vị thế là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quốc tế, quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng cho khu vực phía Nam.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Người đại diện pháp luật: PGS.TS. Nguyễn Đức Trung - Hiệu trưởng.

Địa chỉ làm việc: 36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Email: [trungnd@hub.edu.vn](mailto:trungnd@hub.edu.vn)

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục.

- Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 658/QĐ-NHNN ngày 04/4/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường: Quyết định số 1068/QĐ-NHNN ngày 9/6/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 1069/QĐ-NHNN ngày 9/6/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Danh sách thành viên hội đồng trường: <https://hoidongtruong.hub.edu.vn/thanh-vien-hoi-dong-truong/thanh-vien-hoi-dong-truong-nhiem-ky-2020-2025-3212>

STT	<b>DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TRƯỞNG NHIỆM KỲ 2020 - 2025</b>
1	PGS.TS. Đoàn Thanh Hà - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường
2	PGS.TS. Nguyễn Đức Trung - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng
3	ThS. Lê Ngọc Thắng - Đảng ủy viên, Thư ký Hội đồng trường, Chánh Văn phòng Hội đồng trường
4	PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Hằng - Đảng ủy viên, Thành viên Thường trực Hội đồng trường, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Quản lý đào tạo
5	TS. Hồ Trần Hùng - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên Thường trực Hội đồng trường, Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ
6	TS. Nguyễn Trần Phúc - Đảng ủy viên, Ủy viên Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng
7	TS. Lê Anh Xuân, Ủy viên Hội đồng trường, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
8	ThS. Tiết Văn Thành, Ủy viên Hội đồng trường, Nguyên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
9	ThS. Trần Ngọc Tâm, Ủy viên Hội đồng trường, Phó Chủ tịch Thường trực Ngân hàng TMCP Nam Á
10	TS. Trần Anh Tuấn, Ủy viên Hội đồng trường, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Một thành viên phát triển công nghiệp Tân Thuận
11	TS. Đặng Đình Tân - Ủy viên Hội đồng trường, Trưởng khoa Khoa Kế toán - Kiểm toán
12	TS. Cung Thị Tuyết Mai - Đảng ủy viên, Ủy viên Hội đồng trường, Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị

13	TS. Nguyễn Thế Bình - Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Hội đồng trường, Viện trưởng Viện NCKH&CNNH
14	TS. Nguyễn Anh Vũ – Ủy viên Hội đồng trường, Trưởng khoa Khoa Tài chính
15	ThS. Lê Việt Hùng – Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
16	ThS. Trần Thiên Kỳ - Ủy viên Hội đồng trường, Bí thư Đoàn TNCS HCM, Giảng viên, Nghiên cứu sinh Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
17	TS. Đỗ Thanh Sơn - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ủy viên Hội đồng trường, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Quyết định số 628/QĐ-ĐHNH ngày 11/04/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công nhận Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. HCM nhiệm kỳ 2020-2025.

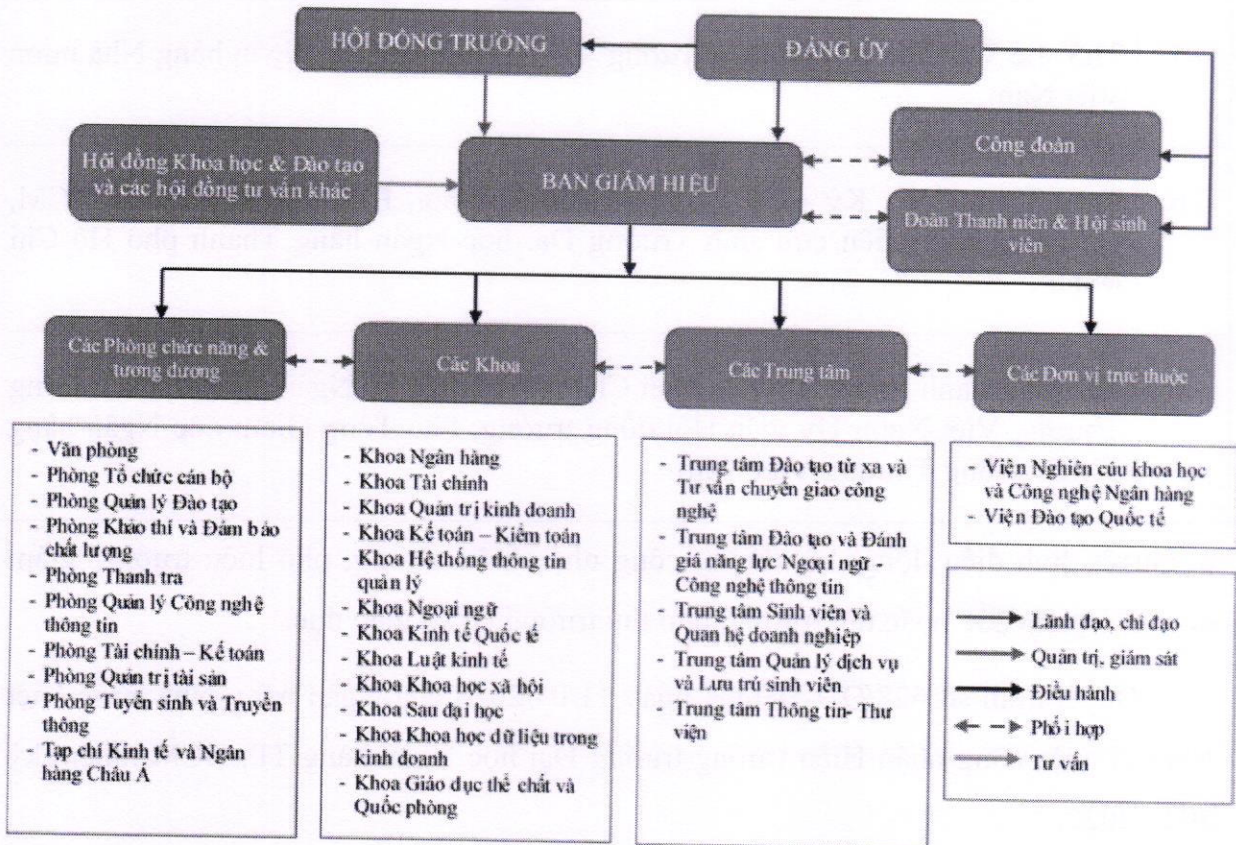
d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Nghị quyết 20/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/04/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 155/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường;

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 của Hội

đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:**



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

- Quyết định số 35/QĐ-ĐHNH-HĐT ngày 05/4/2024 của Hội đồng Trường về việc sắp xếp, tổ chức lại, đổi tên một số đơn vị thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	EMAIL	ĐỊA CHỈ NƠI LÀM VIỆC	NHIỆM VỤ
1	Đoàn Thanh Hà	Chủ tịch Hội đồng Trường	hadt@hub.edu.vn	36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Chủ tịch Hội đồng Trường
2	Nguyễn Đức Trung	Hiệu trưởng	trungnd@hub.edu.vn	36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Hiệu trưởng
3	Nguyễn Trần Phúc	Phó Hiệu trưởng	phucnt@hub.edu.vn	36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Phó Hiệu trưởng
4	Hạ Thị Thiều Dao	Phó Hiệu trưởng	daohtt@hub.edu.vn	36 Tôn Thất Đạm, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Phó Hiệu trưởng

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 15/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (<https://hoidongtruong.hub.edu.vn/chien-luoc/chien-luoc-phat-trien-den-nam-2030-va-tam-nhin-2045-3233>).

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 09/4/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở; Nghị quyết số 158/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 09/4/2021 của Hội đồng trường.

- Các Nghị quyết của Hội đồng trường: NQ số 14/NQ-HĐT ngày 10/11/2021 của Hội đồng trường ban hành Phiên họp Q4.2021, NQ số 23/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường ban hành Nghị quyết Phiên họp Q2.2022, NQ số 59/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 24/3/2022 của Hội đồng trường ban hành Nghị quyết Phiên họp Q1.2023, NQ số 77/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 21/7/2023 của Hội đồng trường ban

hành Kết luận HN HĐT định kỳ 21/7/2023, NQ số 106/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 01/02/2024 của Hội đồng trường ban hành Kỳ họp Quý 1 năm 2024, NQ số 130/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 05/4/2024 của Hội đồng trường ban hành Nghị quyết kỳ họp Quý 2 năm 2024, NQ số 137/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 14/6/2024 của Hội đồng trường ban hành Nghị quyết kỳ họp chuyên đề, NQ số 140/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 21/6/2024 của Hội đồng trường ban hành Nghị quyết kỳ họp Quý 3 năm 2024, NQ số 150/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 22/8/2024 của Hội đồng trường ban hành Hội nghị HĐT chuyên đề Q3.24, NQ số 163/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 24/9/2024 của Hội đồng trường ban hành Hội nghị HĐT chuyên đề 24.9.2024, NQ số 174/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 27/12/2024 của Hội đồng trường ban hành NQ HĐT Q4.24.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quyết định 05/NQ-HĐT ngày 11/9/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết 22/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/04/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tài chính; Nghị quyết số 157/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tài chính ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường; Nghị quyết 43/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 12/12/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc, trực thuộc Trường; Nghị quyết số 160/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, biệt phái, thôi giữ chức vụ; Nghị quyết số 161/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý người lao động; Nghị quyết số 170/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 11/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức; Quyết định 40/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 27/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

- Thông báo số 24/TB-ĐHNH ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về Tuyển dụng viên chức Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh năm 2025 Thông báo số 24/TB-ĐHNH ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về Tuyển dụng viên chức Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh năm 2025.
- Thông báo số 23/TB-ĐHNH ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về Tuyển dụng Người lao động Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh năm 2025.

## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian<sup>4</sup>

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024 <sup>5</sup>	Năm 2023 <sup>6</sup>
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	35,84	33,2
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99,54%	96,3%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	44,14%	41,4%

### 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo<sup>7</sup>

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
<b>1</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian</b>	<b>459</b>	<b>0</b>	<b>251</b>	<b>170</b>	<b>33</b>	<b>5</b>
1.1	Công nghệ kỹ thuật	5			5		
1.2	Toán và Thống kê	5			1	3	1
1.3	Pháp luật	32		19	10	3	
1.4	Nhân văn	34		26	7	1	
1.5	Khoa học xã hội và hành vi	35		22	11	2	
1.6	Kinh doanh và Quản lý	342		184	131	23	4
1.7	Máy tính và Công nghệ thông tin	6			5	1	

### 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ<sup>8</sup>

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	55	54
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	154	151
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	0,46	0,51

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất<sup>9</sup>

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	14,1	14,1
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,4	2,9
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	90,8%	92,8%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	3.440,2	48,8
5	Số bản sách/người học	57,2	5,5
6	Tỷ lệ học phân sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	95,61%	91,4%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	373,7	418

#### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo<sup>10</sup>

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn (m2)
1	Trụ sở chính	36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	816	52.142
2	Cơ sở 2	39 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	384	
3	Cơ sở 3	56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	65.370	
4	Cơ sở 4	1060/11 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	27.489	
5	Cơ sở 5	11 - 15 Hải Triều, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	127	

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
<b>Tổng cộng</b>			94.186	

### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm <sup>11</sup>	Kinh phí (triệu đồng) Tạm tính
1	Mua sắm thiết bị cho các phòng học	Các cơ sở	3.000
2	Lắp đặt thang máy	Các cơ sở	8.300
3	Mua sắm phần mềm quản lý thư viện tích hợp	56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	2.000
4	Cải tạo mặt ngoài cơ sở 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1	36 Tôn Thất Đạm, Quận 1	5.800
5	Mua sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	Các cơ sở	3.000
6	Thuê hệ thống quản lý tổng thể	Các cơ sở	2.700
7	Cải tạo thư viện	56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	6.900
8	Và các hạng mục khác phát sinh	Các cơ sở	
<b>Tổng cộng</b>			31.700

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA – VNUHCM)
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ GD&ĐT
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 29 tháng 03 năm 2023 đến ngày 28 tháng 03 năm 2028

## 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
<b>I Trình độ đại học</b>					
1	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính	AUN-QA	17/05/2029
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Ngân hàng	AUN-QA	17/05/2029
3	7310106	Kinh tế Quốc tế	Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	24/04/2027
4	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	24/04/2027
5	7340301	Kế toán	Kế toán	AUN-QA	24/04/2027
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
7	7380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
9	7340201	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính-Ngân hàng (Tiếng Anh bán phần)	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
10	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh bán phần)	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
11	7340301	Kế toán	Kế toán (Tiếng Anh bán phần)	CEA-Sài Gòn	22/09/2028
<b>II Trình độ thạc sĩ</b>					
1	8340201	Tài chính – Ngân hàng	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	24/04/2027
2	8340101	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	CEA-Sài Gòn	21/02/2029
3	8370107	Luật kinh tế	Thạc sĩ Luật kinh tế	CEA-Sài Gòn	21/02/2029

## V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo<sup>12</sup>

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	96,3%	85,1%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	39,4%	30,7%
3	Tỷ lệ thôi học	3,09%	7,2%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	1,84%	3,1%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	71,9%	76,9%

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	55,5%	61,7%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	93,4%	93,8%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	95,4%	93,5%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	99,1%	98,7%

## 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm <sup>13</sup>
<b>I Đại học</b>					
<b>1 Công nghệ kỹ thuật</b>					
	Chính quy	42	42	0	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
<b>2 Toán và thống kê</b>					
	Chính quy	45	45	0	
<b>3 Pháp luật</b>					
	Chính quy	935	246	142	99.11%
	Vừa làm vừa học	72	38	19	
<b>4 Nhân văn</b>					
	Chính quy	1.140	306	229	99.14%
	Vừa làm vừa học	174	79	48	
	Đào tạo từ xa	208	208	0	
<b>5 Khoa học xã hội và hành vi</b>					
	Chính quy	1.168	286	217	99.41%
	Vừa làm vừa học	6	3	0	
<b>6 Kinh doanh và quản lý</b>					
	Chính quy	11.722	3.164	2.273	98.95%
	Vừa làm vừa học	68	14	11	
	Quốc tế song bằng	305	41	55	81.38%
	Cử nhân quốc tế	1069	238	44	
<b>7 Máy tính và công nghệ thông tin</b>					
		0	0	0	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm <sup>13</sup>
	Chính quy				
	Vừa làm vừa học				
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ (và trình độ tương đương)</b>				
1	Tài chính Ngân hàng	892	325	112	
2	Quản trị Kinh doanh	249	100	46	
3	Luật Kinh tế	148	54	23	
4	Kế toán	29	29	0	
5	Hệ thống thông tin quản lý	29	29	0	
6	Kinh tế kinh doanh quốc tế	8	8	0	
7	Quản trị kinh doanh (liên kết quốc tế)	212	21	55	
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>				
1	Tài chính Ngân hàng	58	9	13	
2	Quản trị Kinh doanh	52	9	0	
3	Luật Kinh tế	3	3	0	
4	Tài chính Ngân hàng (liên kết quốc tế)	6	0	0	

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ<sup>14</sup>

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	8,6%	5,4%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,9	1,2
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,4	1,2

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	2	1.600.603.800
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	5	1.070.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	33	130.000.000

4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	940.338.000
	<b>Tổng số</b>	129	3.740.941.800

### 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	249	318
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	168	514,4
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	42	177
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính<sup>15</sup>

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	24,84%	23,9%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	41,42%	34,2%

### 2. Kết quả thu chi hoạt động<sup>16</sup>

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>642.28</b>	<b>483.12</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	3.66	25.6
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	<b>551</b>	<b>375.3</b>
1	Học phí, lệ phí từ người học	472	346
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	4	3.3
4	Thu khác	75	26
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>	<b>31.62</b>	<b>20.52</b>
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	1	1.1

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.62	0.42
3	Thu khác	30	19
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>	<b>56</b>	<b>61.7</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>537.6</b>	<b>395.5</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	<b>270</b>	<b>199</b>
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	270	199
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	0	0
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>225.5</b>	<b>170.5</b>
1	Chi cho đào tạo	116	89
2	Chi cho nghiên cứu	26	13.5
3	Chi cho phát triển đội ngũ	2	3
4	Chi phí chung và chi khác	81.5	65
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>	<b>31.6</b>	<b>16</b>
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	29.6	15
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1	0.5
3	Chi hoạt động khác	1	0.5
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>10.5</b>	<b>10</b>
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>104.68</b>	<b>87.62</b>

### VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Hạ Thị Thiều Dao**